

Xây dựng sản phẩm du lịch gắn với khai thác di sản tôn giáo, tín ngưỡng trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay

Chu Văn Tuấn¹, Nguyễn Thành Trung^{2*}

¹Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

²Bộ Khoa học và Công nghệ

Ngày nhận bài 10/7/2018; ngày chuyển phản biện 16/7/2018; ngày nhận phản biện 24/8/2018; ngày chấp nhận đăng 31/8/2018

Tóm tắt:

Việt Nam không chỉ có nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào mà còn đang sở hữu nguồn tài nguyên văn hoá nói chung, tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng hết sức phong phú, đa dạng. Đây là một thế mạnh mà không phải quốc gia nào trên thế giới cũng có được. Trong bối cảnh hội nhập, giao lưu quốc tế, giá trị di sản văn hoá là yếu tố hết sức quan trọng tạo nên bản sắc, sức hấp dẫn quốc gia. Do vậy, cần xem các di sản văn hoá, di sản tôn giáo, tín ngưỡng vật thể, phi vật thể là *nguồn tài nguyên giàu tiềm năng* góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là du lịch. Nguồn tài nguyên thiên nhiên cho dù có dồi dào bao nhiêu, nhưng nếu cứ khai thác sẽ đến lúc cạn kiệt. Trong khi đó, nguồn tài nguyên tôn giáo, tín ngưỡng nếu biết cách giữ gìn, bảo tồn và khai thác hợp lý sẽ không bao giờ cạn kiệt.

Trong bối cảnh hội nhập và giao lưu quốc tế, Đảng, Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn nhằm phát huy hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của mình. Để biến nguồn tài nguyên di sản văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng thành sản phẩm phục vụ du lịch, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) hiện nay, cần có sự tham gia phối hợp của nhiều ngành như khoa học và công nghệ (KH&CN, trong đó có khoa học xã hội và nhân văn), ngành văn hoá, thể thao và du lịch. Trước hết, chúng ta cần xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về các di sản tôn giáo, tín ngưỡng. Đây là công việc mà lâu nay chúng ta chưa quan tâm và tiến hành một cách có hệ thống. Trên cơ sở hệ thống cơ sở dữ liệu này, chúng ta sẽ số hoá, khai thác để biến thành các sản phẩm phục vụ du lịch như bản đồ di sản, các công cụ tìm kiếm, các tiện ích, phần mềm, website... Hy vọng rằng, đây là nhiệm vụ sẽ được các cấp, các ngành quan tâm, phối hợp thực hiện trong thời gian tới.

Từ khóa: cách mạng công nghiệp 4.0, di sản, sản phẩm du lịch, tín ngưỡng, tôn giáo.

Chỉ số phân loại: 5.13

Mở đầu

Phát hiện, gìn giữ và khai thác di sản văn hóa là ba vấn đề cơ bản, cốt lõi để nhận ra cách thức ứng xử của một quốc gia, dân tộc đối với các giá trị vật chất và tinh thần của quốc gia, dân tộc đó. Xét trên phương diện quản lý nhà nước, việc phát hiện, tìm kiếm các giá trị của di sản văn hóa là công việc của ngành KH&CN; việc gìn giữ, bảo tồn các di sản văn hóa là công việc của ngành văn hóa; việc khai thác, tận dụng các giá trị của di sản văn hóa phục vụ phát triển kinh tế là công việc của ngành du lịch. Một quốc gia coi trọng vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của dân tộc thì việc đầu tư và khai thác các giá trị di sản văn hóa luôn là vấn đề được

quan tâm và đầu tư thích đáng. Sẽ là thiếu sót trong sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động văn hóa, nếu chỉ coi trọng việc khai thác, tận dụng các giá trị của di sản văn hóa phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế mà bỏ quên hoặc không chú trọng, không đầu tư cho hoạt động nghiên cứu để tìm kiếm, phát hiện, gìn giữ, bảo tồn các giá trị di sản. Một khi đã nhận thức được vai trò quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển của đất nước thì cần quan tâm đầu tư cho KH&CN để tìm kiếm, phát hiện, gìn giữ, bảo tồn và khai thác các giá trị di sản, cũng như cần đầu tư cho ngành văn hóa để quản lý, gìn giữ, bảo tồn các di sản văn hóa, đây là cơ sở để ngành du lịch khai thác, tận dụng

*Tác giả liên hệ: Email: thanhtrungxhtn@gmail.com

Enhancement of linkages between tourism products and exploitation of folk belief and religious heritages in the context of the Fourth Industrial Revolution in contemporary Vietnam

Van Tuan Chu¹, Thanh Trung Nguyen^{2*}

¹Institute for Religious Studies, Vietnam Academy of Social Sciences

²Ministry of Science and Technology

Received 10 July 2018; accepted 31 August 2018

Abstract:

Viet Nam is not only rich in natural resources but also has diverse cultural and religious heritages. This is a Vietnam's particular strength. In the context of international integration, the value of cultural heritages becomes a very important factor which constitutes national identities and attractiveness. Therefore, it is necessary to consider cultural and religious heritages, both tangible and intangible, as potential resources which can significantly contribute to the socio-economic development, especially the growth of tourism. The natural resources, no matter how rich they are, if irresponsibly be exploited, will be exhausted. Meanwhile, religious resources, if wisely be preserved and exploited, will be forever.

In the context of international integration and exchanges, the Party and State has policies and strategies to turn tourism into a leading field of the economy. In order to turn cultural and religious resources into products that serve tourism, especially in the context of the industrial revolution 4.0, it is crucial to have the collaboration of various fields such as natural and social sciences, culture, sports and tourism. Initially, we need to build a raw database of the religious heritages. This is what has been neglected for long or not implemented systematically. Basing on this database, we will digitalize and use to turn them into products for tourism such as digital map, search tools, applications, software, etc. Hopefully, this will be the task to be fulfilled by co-operation among state agencies in the coming time.

Keywords: folk beliefs, Fourth Industrial Revolution, heritages, religious, tourism products.

Classification number: 5.13

các giá trị của di sản văn hóa phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội.

Việt Nam là quốc gia đang sở hữu nguồn tài nguyên văn hoá nói chung, tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng rất phong phú, đây là nguồn tài nguyên quý giá, không cạn kiệt nếu biết đầu tư và khai thác hợp lý. Phát huy vai trò của KH&CN trong việc định hướng và tổ chức nghiên cứu để tìm kiếm, phát hiện, gìn giữ, bảo tồn và khai thác các giá trị di sản văn hóa nói chung, di sản tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh CMCN 4.0 hiện nay.

Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch trong bối cảnh CMCN 4.0

Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị đã xác định phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành và của toàn xã hội; tập trung nguồn lực quốc gia cho phát triển du lịch. Nghị quyết xác định các mục tiêu phát triển du lịch của Việt Nam đến năm 2020, ngành du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực. Đồng thời, thu hút được 17-20 triệu lượt khách du lịch quốc tế, 82 triệu lượt khách du lịch nội địa; đóng góp trên 10% GDP, tổng thu từ khách du lịch đạt 35 tỷ USD; giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 20 tỷ USD; tạo ra 4 triệu việc làm, trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp. Nghị quyết của Bộ Chính trị đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Việt Nam thuộc nhóm các nước có ngành du lịch phát triển hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á. Nghị quyết cũng chỉ rõ, cần phát triển du lịch một cách bền vững, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống; cần tập trung phát triển du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch văn hoá...

Cuộc CMCN 4.0 với xu hướng phát triển dựa trên nền tảng tích hợp cao độ của hệ thống kết nối số hóa - vật lý - sinh học với sự đột phá của Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, blockchain... đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất của thế giới. CMCN 4.0 với đặc điểm là tận dụng một cách triệt

để sức mạnh lan tỏa của số hóa và công nghệ thông tin [1]. Đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp này là sự hợp nhất về mặt công nghệ, nhờ đó xóa bỏ ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học, đem lại sự kết hợp giữa hệ thống ảo và thực thể [2]. Làn sóng công nghệ mới này đang diễn ra với tốc độ khác nhau tại các quốc gia trên thế giới, nhưng đang tạo ra tác động mạnh mẽ, ngày một gia tăng tới mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, dẫn đến việc thay đổi phương thức và lực lượng sản xuất của xã hội [1].

Trước hết, về mặt kinh tế, CMCN 4.0 sẽ tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến tất cả các khâu của nền kinh tế, bao gồm sản xuất và tiêu dùng, thúc đẩy nền kinh tế thế giới chuyển sang kinh tế tri thức. CMCN 4.0 thúc đẩy sự ra đời các công nghệ tiên tiến, giúp tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới, tăng hiệu quả sản xuất, thúc đẩy sáng tạo [2]. CMCN 4.0 sẽ giúp giảm chi phí sản xuất nhưng lại gia tăng chất lượng, số lượng sản phẩm, đồng thời cũng có thể tạo ra sự bùng nổ của các loại hình dịch vụ, những tiện ích phục vụ cuộc sống con người.

Về mặt xã hội, CMCN 4.0 sẽ tạo ra rất nhiều biến đổi xã hội. Trước hết là lĩnh vực lao động, việc làm sẽ có nhiều biến động. Những ngành nghề, lĩnh vực không có nhiều hàm lượng tri thức sẽ bị thay thế, lao động chân tay sẽ dần bị thay thế bởi máy móc, người máy, trí tuệ nhân tạo. Như thế, sẽ có một lượng lớn lao động thất nghiệp, từ đó dẫn đến nhiều vấn đề xã hội phải giải quyết. CMCN 4.0 cũng có thể tạo ra khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội do một bộ phận trong xã hội không có điều kiện, cũng như không có khả năng để tiếp cận hay làm chủ những thành tựu của cuộc cách mạng này.

Việt Nam là quốc gia đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Việt Nam có lợi thế khi số lượng người dùng Internet rất lớn, dịch vụ Internet khá rẻ, dân số đông, do vậy, cuộc CMCN 4.0 mở ra nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và cạnh tranh trong chuỗi sản phẩm; tạo ra sự thay đổi lớn về hình thái kinh doanh dịch vụ; tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; giảm đáng kể chi phí giao dịch, vận chuyển; tạo cơ hội đầu tư hấp dẫn và đầy tiềm năng trong lĩnh vực công nghệ số và Internet. *Đặc biệt, trong lĩnh vực du lịch - ngành công nghiệp không khói, Việt Nam có rất nhiều tiềm năng để thay đổi mô hình, phương thức tổ chức du lịch trong bối cảnh CMCN 4.0.* Nhận thức

rõ cơ hội, thách thức của CMCN 4.0 đối với Việt Nam, ngày 4/5/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc CMCN 4.0. Chỉ thị đã đưa ra 6 giải pháp, 10 nhiệm vụ nhằm khai thác tối đa cơ hội của CMCN 4.0 cho sự phát triển của Việt Nam. Trên lĩnh vực du lịch, Chỉ thị 16/CT-TTg đã nhấn mạnh cần xây dựng và phát triển du lịch thông minh.

Từ quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước, cũng như từ tình hình thực tiễn phát triển của ngành du lịch Việt Nam, đặt trong bối cảnh CMCN 4.0, chúng ta cần nhận thức sâu sắc rằng đây là thách thức lớn, nhưng cũng là cơ hội lớn cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung, ngành du lịch nói riêng. Nếu chúng ta không thay đổi, không tận dụng cơ hội CMCN 4.0 mang lại, không phát huy những tiềm năng của mình, chúng ta sẽ phải đứng ngoài cuộc chơi, sẽ bị bỏ lại phía sau một cách nhanh chóng.

Di sản tôn giáo, tín ngưỡng - “Nguồn tài nguyên” vô tận cho phát triển du lịch

Trước hết, nói về nguồn lực tôn giáo, đây không phải là một thuật ngữ mới xuất hiện. Từ giới nghiên cứu tôn giáo đến các nhà lãnh đạo, quản lý đã nhắc đến cụm từ này. GS Đỗ Quang Hưng cho rằng: “Cần phải bổ sung thêm một nguyên tắc nhận thức nữa” không chỉ coi trọng và đánh giá đúng mức những giá trị văn hóa, đạo đức của các tôn giáo như Đảng ta đã từng chỉ rõ từ cuối năm 1990, mà còn phải tiến tới thừa nhận, khai thác và sử dụng những “nguồn lực trí tuệ” của các tôn giáo trong việc phát triển văn hóa, tri thức dân tộc hiện nay trên con đường đổi mới và hội nhập [3]...; PGS.TS Trương Văn Chung cho rằng: “Xem tôn giáo ở Việt Nam là một nguồn lực mới góp phần vào sự phát triển xã hội bền vững là cái nhìn khách quan, đúng như chức năng, truyền thống và giá trị tinh thần vốn có của tôn giáo ở Việt Nam. Mặt khác, khai thác, phát huy hết tiềm năng, nguồn lực của tôn giáo cũng chính là phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của tôn giáo, góp phần vào chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, từng bước đưa những hoạt động từ thiện xã hội của tôn giáo vào chiến lược có quy mô, nghiệp vụ hơn, hiệu quả hơn và cuối cùng là đưa tôn giáo vào đời sống dân sự, như những nguồn lực khác trong sự phát triển bền vững” [4]. PGS.TS Nguyễn Hồng Dương khẳng định: nguồn lực tôn giáo quy nguyên vào hai lĩnh vực chính: lĩnh vực tinh thần và lĩnh vực vật chất. Ở mỗi lĩnh vực lại có những nội dung khác nhau. Như vậy, nguồn lực tôn giáo là

một vấn đề rộng lớn” [5]. PGS Nguyễn Hồng Dương cũng cho rằng, nguồn lực tôn giáo có vai trò quan trọng trong 4 lĩnh vực chủ yếu: trong việc đào luyện con người; trong phát triển kinh tế; trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa; trong lĩnh vực an sinh xã hội [5].

Tại Hội nghị của Thủ tướng Chính phủ với các tôn giáo tổ chức ngày 19/12/2016 tại TP Hồ Chí Minh, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho rằng: “Có thể nói, đây là lúc chúng ta cần có thêm động lực để lấy lại đà tăng trưởng cho đất nước phát triển bền vững. Nguồn động lực đó phải đến từ đổi mới thể chế và phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người nhằm góp phần xây dựng nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh; *phát huy các nguồn lực tôn giáo*, tạo sức lan tỏa trong xã hội, xây dựng nếp sống văn minh “tốt đời, đẹp đạo” gần bó, đồng hành với dân tộc, tạo sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và phát triển đất nước” [6].

Ngoài ra, trong một số văn bản khác của Đảng, Nhà nước, tôn giáo cũng được xem là một nguồn lực cần phát huy trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Như thế, có thể thấy, nhận thức chung của giới nghiên cứu lý luận, của các nhà lãnh đạo, quản lý và xã hội nói chung về tôn giáo đã có sự thay đổi mang tính căn bản. Nếu như trước, chúng ta nhìn tôn giáo chủ yếu dưới góc độ như là hình thái ý thức, phản ánh hư ảo đời sống con người, và dường như chỉ liên quan đến đời sống tâm linh, tinh thần của con người, thì bây giờ chúng ta đã nhìn nhận tôn giáo như một thực thể xã hội, có những vai trò đối với các mặt của đời sống cá nhân cũng như đời sống xã hội. Nếu như trước đây, có những lúc chúng ta xem tôn giáo, tín ngưỡng như là những biểu hiện của mê tín dị đoan, lạc hậu, tiêu cực cần xóa bỏ, thì nay chúng ta nhận thấy tôn giáo có nhiều giá trị tốt đẹp cần phát huy.

Nguồn lực tôn giáo, như một số quan điểm vừa nêu ở trên có nội hàm khá rộng. Không chỉ là nguồn lực tinh thần, mà còn là nguồn lực vật chất. Từ khía cạnh nguồn lực tinh thần, đó chính là giá trị đạo đức, giá trị văn hóa, giá trị giáo dục, các triết lý nhân văn, hướng thiện... những giá trị này đã và đang tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong xây dựng nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội. Về nguồn lực vật chất, các tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam có một hệ thống cơ sở thờ tự với nhiều di sản có giá trị, là tiềm năng lớn có thể khai thác. Các tôn giáo có thể thu hút

được các nguồn lực rất lớn từ xã hội như: nguồn lực kinh tế, nguồn lực con người, nguồn lực văn hóa... từ đây, các tôn giáo lại chuyển những nguồn lực đã thu hút này vào xã hội, vào các lĩnh vực như an sinh xã hội, từ thiện xã hội, y tế, giáo dục...

Nói riêng về các di sản tôn giáo, tín ngưỡng, đây chính là *nguồn tài nguyên tôn giáo* có thể khai thác để phát triển kinh tế, xã hội, phục vụ phát triển du lịch. Trong bối cảnh du lịch tâm linh, du lịch văn hóa phát triển mạnh, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, giao lưu văn hóa quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, thì nguồn tài nguyên tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam (mà hạt nhân là các di sản tôn giáo, tín ngưỡng) với những đặc trưng riêng, đặc thù gắn với văn hóa truyền thống, phong tục tập quán Việt Nam sẽ là những sản phẩm có giá trị, chắc chắn sẽ thu hút được sự quan tâm, chú ý của mọi người. Chúng ta đang sở hữu một nguồn tài nguyên di sản tôn giáo, tín ngưỡng vật thể và phi vật thể vô tận, quý giá. Vấn đề ở chỗ: chúng ta khai thác nguồn tài nguyên đó như thế nào?

Khai thác các di sản tôn giáo, tín ngưỡng phục vụ du lịch

Hiện nay, ở Việt Nam có khoảng gần 30.000 cơ sở thờ tự của các tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài, Phật giáo Hòa hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tịnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam...), đây là chưa kể hàng chục nghìn cơ sở tín ngưỡng (đình, đền, miếu...). Trong số này, chiếm một tỷ lệ không nhỏ là các cơ sở thờ tự đã được công nhận di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia, di tích cấp quốc gia đặc biệt.

Bên cạnh các di sản tôn giáo, tín ngưỡng vật thể như vừa nêu, ở Việt Nam còn có các di sản tôn giáo, tín ngưỡng phi vật thể như các lễ hội tôn giáo, tín ngưỡng. Theo thống kê của cơ quan quản lý văn hóa, Việt Nam có khoảng hơn 8.000 lễ hội diễn ra hàng năm, trong số đó có khoảng 600 lễ hội tôn giáo. Tuy nhiên, hầu như trong các lễ hội diễn ra ở Việt Nam đều chứa đựng các yếu tố tôn giáo.

Với số lượng cơ sở thờ tự tôn giáo, tín ngưỡng và các lễ hội tôn giáo lớn như vậy, thì đây là nguồn tài nguyên phong phú, dồi dào cho phát triển du lịch. Nguồn tài nguyên này phân bố đều trên khắp cả nước, gắn với các khu vực, vùng miền, gắn với các tộc người, gắn với các loại hình văn hóa, phong tục, tập quán... do vậy có sức hấp dẫn rất lớn đối với khách du lịch. Đây là nguồn tài nguyên đặc biệt, không bị cạn kiệt như các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Nếu

như biết khai thác, phát huy gắn với giữ gìn, bảo tồn thì nguồn tài nguyên này còn tiếp tục được củng cố, làm giàu hơn, phong phú hơn, do đó có thể khai thác một cách lâu dài, bền vững.

Nguồn tài nguyên tôn giáo, tín ngưỡng dồi dào, phong phú và đặc sắc ở Việt Nam là nguồn nguyên liệu để “chế biến” thành các sản phẩm du lịch. Trong thời đại CMCN 4.0, chúng ta cần tận dụng để đem các sản phẩm này phục vụ khách du lịch trên toàn thế giới một cách nhanh chóng, thuận tiện. Để làm được điều đó, trước tiên cần xây dựng cơ sở dữ liệu về các di sản tôn giáo, tín ngưỡng. Bước tiếp theo là chúng ta cần số hóa các dữ liệu này và tích hợp vào các phần mềm, ứng dụng phần mềm, các website, bản đồ số hóa... Các sản phẩm này có thể là sản phẩm trực tiếp hay hàng hóa trực tiếp (như các ứng dụng chạy trên các thiết bị như điện thoại, máy tính, máy tính bảng; các video, các bộ phim, thực tế ảo...), cũng có thể là công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc tìm kiếm thông tin, cung cấp thông tin, hướng dẫn... cho du khách trước khi đi tham quan, du lịch. Khi được cung cấp đầy đủ thông tin về các di sản tôn giáo, tín ngưỡng cùng với các thông tin đi kèm như: các chỉ dẫn về bản đồ, các loại hình dịch vụ, chi phí... thì khả năng khách du lịch lựa chọn để đi du lịch sẽ cao hơn.

Việc khai thác các di sản tôn giáo, tín ngưỡng như vừa trình bày ở trên không chỉ phục vụ du lịch mà còn có tác dụng quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng đối với các di sản văn hóa nói chung, di sản tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng, qua đó góp phần xã hội hóa công tác giữ gìn, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản này trong xây dựng và phát triển đất nước. Khai thác các di sản tôn giáo, tín ngưỡng chính là khai thác nguồn lực tôn giáo, tín ngưỡng phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá.

Việc khai thác các di sản tôn giáo, tín ngưỡng có thể mang lại nhiều lợi ích như vậy, nhưng trong thời gian qua, việc này chưa được quan tâm một cách thỏa đáng, chưa có cách làm, chưa có những định hướng phát triển lâu dài. Do vậy, việc khai thác mang tính tự phát, mạnh ai nấy làm, khai thác chưa gắn với bảo tồn, mới chỉ chú trọng khai thác những yếu tố bên ngoài, mà chưa chú ý khai thác những giá trị của di sản (giá trị lịch sử, giá trị tôn giáo, giá trị văn hoá...). Chính vì cách khai thác mang tính tự phát đã dẫn đến tình trạng xuống cấp của di sản, đánh mất bản sắc của di sản ở Việt Nam hiện nay.

Liên kết ngành trong việc xây dựng sản phẩm du lịch gắn với khai thác di sản tôn giáo, tín ngưỡng

Khai thác các di sản văn hoá nói chung, di sản tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển du lịch nói riêng là một chức năng, nhiệm vụ của ngành văn hoá, thể thao và du lịch. Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ này, một trong những việc mà ngành văn hoá phải làm là giữ gìn, bảo vệ, trùng tu, tôn tạo các di tích, phục hồi, phục dựng các lễ hội, phục hồi các ngành nghề truyền thống, các sản phẩm, mặt hàng truyền thống, xây dựng các chương trình, sản phẩm du lịch... Tuy nhiên, trong bối cảnh CMCN 4.0 thì việc khai thác, phát huy giá trị di sản văn hoá nói chung, di sản tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng cần phải tiến hành theo những phương thức mới. Đây không phải là công việc của riêng một ngành nào, mà là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành và toàn xã hội.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn nói đến sự phối hợp của ngành KH&CN với ngành văn hoá, thể thao và du lịch trong khai thác và phát huy giá trị di sản tôn giáo, tín ngưỡng phục vụ phát triển du lịch.

Đối với ngành KH&CN

Trước hết, nói về khía cạnh quản lý nhà nước, ngành này có chức năng định hướng nghiên cứu, tạo ra các cơ chế, chính sách, các điều kiện cần thiết, cũng như tổ chức các hoạt động khoa học, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học. Ở khía cạnh công nghệ, lĩnh vực này nghiên cứu các sản phẩm khoa học kỹ thuật, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Những thành tựu mà lĩnh vực này đạt được có thể áp dụng với các lĩnh vực khác, kể cả lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Đường như trong cuộc CMCN 4.0, các lĩnh vực khoa học khác nhau ngày càng phải xích lại gần nhau, gắn bó chặt chẽ với nhau để tạo ra những sản phẩm đa giá trị. Mỗi một sản phẩm trong thời đại CMCN 4.0 cần phải có sự phối hợp của nhiều ngành, lĩnh vực, một sản phẩm phải chứa đựng hàm lượng của nhiều loại tri thức khác nhau. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có vai trò và chức năng nghiên cứu tìm kiếm, phát hiện giá trị, xác định bản sắc, đặc thù của các di sản văn hoá, di sản tôn giáo, tín ngưỡng; hệ thống hoá những giá trị này, phân loại các di sản, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các di sản này. Giá trị của các sự vật, hiện tượng không phơi bày ra trước mắt chúng ta, mà ẩn sâu trong hình hài của

các sự vật, hiện tượng đó, nhiệm vụ của khoa học xã hội và nhân văn là tìm kiếm các giá trị đó. Tuy nhiên, đây mới là khía cạnh thứ nhất. Ở khía cạnh thứ hai, khoa học xã hội và nhân văn phải đi tìm kiếm những giá trị phục vụ cho cuộc sống con người, phục vụ cho xây dựng, phát triển đất nước, mà mỗi một giai đoạn, mỗi một thời kỳ, yêu cầu phát triển đất nước lại khác nhau.

Trên phương diện tạo ra các sản phẩm phục vụ du lịch, khoa học xã hội và nhân văn phải nghiên cứu các giá trị. Đây là công việc có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo ra những sản phẩm phục vụ du lịch có chất lượng, có sức hấp dẫn đối với du khách. Sản phẩm có chất lượng là sản phẩm chứa đựng nhiều giá trị, hay nói cách khác là có giá trị nhiều mặt. Từ các góc độ khác nhau, khoa học xã hội và nhân văn, đã và đang nghiên cứu tìm ra giá trị các mặt của các di sản tôn giáo, tín ngưỡng phục vụ việc bảo tồn, phát huy các di sản này, mà cụ thể là phục vụ du lịch.

Khi khoa học xã hội và nhân văn đã nghiên cứu các giá trị và xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản tôn giáo, tín ngưỡng thì lúc này, khoa học công nghệ phát huy vai trò của mình trong nghiên cứu, xây dựng các phần mềm ứng dụng, các công cụ tích hợp, biến các sản phẩm của khoa học xã hội và nhân văn thành những sản phẩm thực sự phục vụ nhu cầu của người dùng, có thể phổ biến và lưu thông trên môi trường số hoá và hoà nhập vào môi trường quốc tế. Vì thế, vai trò của khoa học công nghệ cũng vô cùng quan trọng.

Đối với ngành văn hoá, thể thao và du lịch

Một trong những chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành văn hoá, thể thao và du lịch chính là giữ gìn, bảo tồn các di sản văn hoá nói chung, di sản tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng. Với chức năng của một cơ quan quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hoá, ngành văn hoá, thể thao và du lịch có nhiệm vụ xây dựng các chính sách, pháp luật nhằm bảo vệ, trùng tu, tôn tạo... các di sản, quy hoạch vùng bảo vệ di sản, lập hồ sơ di sản, ngăn chặn các yếu tố thiên nhiên, con người xâm phạm di sản.

Ngoài ra, ngành còn chức năng quan trọng nữa đó là phát huy di sản. Một trong những cách thức phát huy di sản đó là mang các giá trị di sản như là những sản phẩm du lịch đến với du khách, hay người tiêu dùng sản phẩm du lịch. Ngành văn hoá, thể thao và du lịch thực hiện chức năng tổ chức, giới thiệu, quảng bá các di sản văn hoá, di sản tôn giáo, tín ngưỡng như những sản phẩm du lịch; đưa du

khách đến thưởng thức các sản phẩm du lịch đó. Bản thân ngành văn hoá, thể thao và du lịch cũng tạo ra các sản phẩm du lịch, tuy nhiên, ngành này không thể đồng thời nghiên cứu, tìm kiếm, phát hiện giá trị vừa xây dựng các ứng dụng công nghệ để tích hợp các giá trị và cơ sở dữ liệu để tạo ra sản phẩm du lịch. Trong bối cảnh CMCN 4.0, cần phối hợp với các ngành, nhất là ngành KH&CN cũng như với toàn xã hội để tạo ra các sản phẩm và đem các sản phẩm đó vào cuộc sống.

Cuộc CMCN 4.0 chắc chắn sẽ làm thay đổi nhiều điều ở ngành du lịch, từ cách thức tạo ra sản phẩm du lịch, cách thức quảng bá đến cách thức tổ chức du lịch... Do vậy, nếu không ý thức được điều này, vẫn cứ làm theo cách cũ, chúng ta không thể tạo ra được những đột phá trong phát triển du lịch, khó đưa ngành này trở thành mũi nhọn như Nghị quyết 08-NQ/TW yêu cầu.

Kết luận

Chúng ta đang sở hữu nguồn tài nguyên quý giá, vô tận là nguồn tài nguyên văn hoá nói chung, tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng. Cần xem nguồn tài nguyên tôn giáo, các di sản tôn giáo, tín ngưỡng vật thể, phi vật thể là một trong những sản phẩm chủ lực phục vụ phát triển du lịch trong thời đại CMCN 4.0. Nếu biết cách khai thác nguồn tài nguyên này, chúng ta sẽ tạo ra được nhiều loại hình sản phẩm phong phú, đa dạng, mang bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam, góp phần phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội, mang lại sự phát triển bền vững của đất nước. Không chỉ phục vụ du lịch, nguồn tài nguyên tôn giáo còn có thể trở thành “nguyên liệu” cho ngành công nghiệp văn hoá, là chất liệu cho sáng tạo nghệ thuật...

Như chúng ta đã biết, các nguồn tài nguyên khác có nguồn gốc tự nhiên như dầu khí, than đá, khoáng sản... mang tính hữu hạn, không thể khai thác mãi; chi phí cho việc khai thác nguồn tài nguyên này ngày càng tốn kém; hậu quả để lại về môi trường, biến đổi khí hậu, phá vỡ cảnh quan là rất nặng nề... Trong khi đó, nguồn tài nguyên văn hoá nói chung, tài nguyên tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng có thể khai thác mãi mà không bao giờ cạn kiệt, chi phí để khai thác nguồn tài nguyên này lại ít hơn rất nhiều so với chi phí khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đặc biệt, nếu biết cách khai thác, phát huy nguồn tài nguyên tôn giáo, tín ngưỡng thì nguồn tài nguyên này lại càng được củng cố, càng được bồi đắp phong phú hơn.

Việc khai thác tài nguyên tôn giáo, tín ngưỡng gồm: nghiên cứu, khảo sát, sưu tầm, hệ thống hóa, phân loại, sắp xếp, đánh giá các di sản tôn giáo, tín ngưỡng... nhằm xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về các di sản tôn giáo, tín ngưỡng, trên cơ sở đó tiến hành số hóa các dữ liệu này; bước tiếp theo là xây dựng các phần mềm, các ứng dụng công nghệ thông tin, các website... để đưa các dữ liệu, nguồn tài nguyên này lên môi trường số hóa, phục vụ nhu cầu của khách du lịch. Đây không những có thể trở thành sản phẩm trực tiếp mà còn là sản phẩm trung gian nhưng lại không thể thiếu để có thể kết nối các sản phẩm du lịch khác trong thời đại CMCN 4.0.

Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, công việc rất quan trọng này lại chưa được tiến hành một cách có hệ thống, hệ cơ sở dữ liệu về các di sản tôn giáo, tín ngưỡng lại chưa được xây dựng. Do vậy, đây là vấn đề cần quan tâm thực hiện trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thủ tướng Chính phủ (2017), *Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc CMCN 4.0*.
- [2] Lê Thị Tình, Đoàn Thị Mai Liên, *Về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2017/46674/Ve-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu.aspx>
- [3] Đỗ Quang Hưng (2010), “Tôn giáo cũng là một nguồn lực trí tuệ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, **5**, tr.9.
- [4] Trương Văn Chung, *Tôn giáo ở Việt Nam - Một nguồn lực mới góp phần phát triển xã hội bền vững*, <http://css.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=c67e6c91-3af4-4c32-ba92-f76221b57020>.
- [5] Nguyễn Hồng Dương (2018), “Nguồn lực tôn giáo trong quá trình phát triển đất nước”, *Bản tin Lý luận & Thực tiễn*, **55**, tr.40.
- [6] <http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Thu-tuong-truc-tiep-xu-ly-kien-nghi-cua-cac-to-chuc-ton-giao/201612/25823.vgp>.